

Số: 01 /HD-SNNMT

Gia Lai, ngày 24 tháng 02 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Triển khai Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg và Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là *Quyết định số 590/QĐ-TTg*);

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là *Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg; Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo; Văn bản số 5790/BNNMT-KTHT ngày 25/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 7 Thông tư số 13/2025/TT BNNMT (sau đây gọi chung là *Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT*);

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2025-2030 (sau đây viết tắt là *Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND*);

Thực hiện Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030;

Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình Bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg và Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Hướng dẫn lập dự án bố trí ổn định dân cư tập trung, phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép; nội dung bố trí ổn định dân cư trong kế hoạch đầu tư công; nguyên tắc, nội dung hỗ trợ và phương thức hỗ trợ theo Nghị quyết số

22/2025/NQ-HĐND; kinh phí, nguồn vốn thực hiện bố trí ổn định dân cư và quy trình bố trí ổn định dân cư thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND.

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại khoản 1 Mục I Hướng dẫn này.

3. Phạm vi và đối tượng của Hướng dẫn này không bao gồm phạm vi, đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

II. LẬP DỰ ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TẬP TRUNG, PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ XEN GHÉP

1. Lập dự án bố trí ổn định dân cư tập trung: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

2. Lập phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

III. XÂY DỰNG NỘI DUNG BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

1. Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

IV. NGUYÊN TẮC, NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ VÀ PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

1. Nguyên tắc thực hiện: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND.

2. Nội dung, mức hỗ trợ

2.1. Về chính sách đất đai: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT

2.2. Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND.

2.3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND.

3. Phương thức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND. Trong đó, đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất bằng hiện vật cho hộ gia đình, cá nhân (thông qua UBND xã, phường), việc lựa chọn nội dung hỗ trợ được căn cứ trên nhu cầu thực tế của từng hộ gia đình, đồng thời tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về hình thức hỗ trợ hiện vật phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

V. KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước (*ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương*).
2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn.

VI. QUY TRÌNH BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TRONG TỈNH

1. Nhiệm vụ của UBND cấp xã nơi đi

a) Bước 1: Tổ chức tuyên truyền, vận động

Căn cứ kế hoạch, dự án bố trí ổn định dân cư được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, UBND cấp xã nơi đi tổ chức tuyên truyền, vận động (*bằng nhiều hình thức qua hệ thống loa phát thanh, họp dân, niêm yết công khai tại các nơi sinh hoạt cộng đồng, vận động trực tiếp,...*) để từng hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng bố trí ổn định dân cư hiểu rõ về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đối với Chương trình bố trí dân cư và mục tiêu dự án, phương án bố trí ổn định dân cư.

b) Bước 2: Tổ chức họp dân

Phối hợp với chủ đầu tư, cơ quan quản lý chuyên ngành được giao thực hiện công tác ổn định dân cư thực hiện các nội dung:

- Tổ chức họp các hộ gia đình, cá nhân trong vùng dự án, phương án để phổ biến chủ trương, kế hoạch bố trí ổn định dân cư, công khai chế độ chính sách được hỗ trợ.

- Hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân làm bản cam kết tự nguyện tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

- Tổng hợp, lập danh sách hộ gia đình, cá nhân có cam kết tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư.

c) Bước 3: Hợp bình xét hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án

Tổ chức họp bình xét hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư; lập Biên bản họp bình xét theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT;

Thành phần Hội đồng bình xét hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án gồm: Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo UBND cấp xã; các thành viên Hội đồng là trưởng thôn, bản, buôn, ấp, khu phố, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội trong xã và đại diện chủ đầu tư.

d) Bước 4: Niêm yết công khai danh sách hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án

Thực hiện niêm yết công khai danh sách hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư tại trụ sở UBND cấp xã, thông báo qua Đài Truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời hạn 15 ngày.

đ) Bước 5: Phê duyệt danh sách

UBND cấp xã xem xét, phê duyệt Danh sách hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

e) Bước 6: Thông báo danh sách đã phê duyệt

Thông báo cho hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo Quyết định phê duyệt bố trí ổn định dân cư được UBND cấp xã ban hành.

2. Nhiệm vụ của UBND cấp xã nơi đến: Phối hợp với UBND cấp xã nơi đi, đại diện chủ đầu tư, đại diện hộ gia đình, cá nhân được tham gia dự án, phương án bố trí ổn định dân cư thực hiện các nội dung:

a) Bước 1: Tổ chức thực địa và kiểm tra địa bàn

Tổ chức thực địa và lập biên bản kiểm tra địa bàn vùng dự án, phương án bố trí ổn định dân cư theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

b) Bước 2: Tổ chức thực hiện bố trí ổn định

- Tổ chức thực hiện bố trí ổn định hộ gia đình, cá nhân đến địa bàn bố trí ổn định dân cư tập trung, xen ghép đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn phát triển sản xuất, ổn định đời sống lâu dài.

- Tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách pháp luật về đất đai cho hộ gia đình, cá nhân đến.

c) Bước 3: Giao, nhận sổ hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định

Tổ chức giao, nhận sổ hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định vào vùng dự án, phương án và lập biên bản giao, nhận theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

d) Bước 4: Nghiệm thu sổ hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định; thực hiện chi trả, chính sách hỗ trợ di dời theo quy định

- Tổ chức nghiệm thu số hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định thuộc dự án, phương án và lập biên bản nghiệm thu theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

- Thực hiện chi trả chế độ, chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân được phê duyệt bố trí ổn định dân cư theo quy định hiện hành và tổng hợp danh sách nhận chính sách hỗ trợ theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1.1. Chi cục Phát triển nông thôn

a) Tham mưu Sở chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tổng hợp, xây dựng kế hoạch trung hạn, hàng năm và giai đoạn 2026-2030 gửi Sở Tài chính cân đối, bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời, báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nội dung Chương trình và tổng hợp chung trong dự toán của Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Tham mưu rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư bố trí dân cư cấp bách do địa phương đề xuất và phối hợp các sở, ngành có liên quan trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

d) Tham mưu Sở chủ trì tổ chức thẩm định phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép, hoàn thiện và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

đ) Phối hợp với Sở Tài chính, địa phương thực hiện chi trả chế độ, chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân được phê duyệt bố trí ổn định.

e) Tham mưu Sở tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất việc thực hiện Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh cho UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.2. Các Chi cục: Quản lý đất đai, Kiểm lâm, Thủy lợi và Văn phòng Đăng ký đất đai: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Chi cục Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình theo quy định.

2. UBND các xã, phường

a) Xây dựng kế hoạch trung hạn và hàng năm giai đoạn 2026-2030 về nội dung Chương trình bố trí dân cư theo Phụ lục III, IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT với mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

b) Lập hồ sơ dự án tập trung (*trường hợp UBND cấp xã làm chủ đầu tư*), phương án xen ghép theo quy định trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt (nội dung dự án, phương án bố trí ổn định dân cư tập trung theo Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT).

c) Tổ chức thực hiện việc phê duyệt Phương án bố trí ổn định dân cư xen ghép theo nội dung được ủy quyền (nếu có).

d) Tổ chức thực hiện bố trí, di dời và nghiệm thu số hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định; thực hiện chi trả, chính sách hỗ trợ di dời theo quy định.

đ) Chủ động bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để triển khai thực hiện bố trí ổn định dân cư.

e) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm và giai đoạn 2026-2030, đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả bố trí ổn định dân cư trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn ở Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời báo cáo, phản hồi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Chi cục Phát triển nông thôn) xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Trên đây là Hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình Bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg và Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: TC, XD, TP, YT, DT và TG (phối hợp);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- UBND các xã, phường;
- Ban Quản lý dự án: NN và PTNT tỉnh, Đầu tư xây dựng tỉnh;
- Phòng KHTC Sở;
- Các Chi cục: TL, KL, QLDD;
- Văn phòng Đăng ký đất đai;
- Lưu: VT, CCPTNT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thế Vy